

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng
Cảng hàng không Sapa” tại xã Cam Cọn, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Cảng hàng không Sapa” họp ngày 09 tháng 9 năm 2019;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Cảng hàng không Sapa” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 258/SGTVT XD-BGT ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Sở Giao thông vận tải - Xây dựng tỉnh Lào Cai;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng Cảng hàng không Sapa” (sau đây gọi là Dự án) của Sở Giao thông vận tải

- Xây dựng tỉnh Lào Cai (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Giao thông vận tải - Xây dựng tỉnh Lào Cai;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Giao thông vận tải;
- UBND tỉnh Lào Cai;
- Sở TN&MT tỉnh Lào Cai;
- VPMC;
- Lưu: VT, TCMT (02), K (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Đầu tư xây dựng Cảng hàng không Sapa” tại xã Cam Cọn, huyện Bảo Yên,
tỉnh Lào Cai

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về dự án

- Tên Dự án: “Đầu tư xây dựng Cảng hàng không Sapa”.
- Địa điểm thực hiện: xã Cam Cọn, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.
- Loại hình Dự án: Đầu tư xây dựng mới.
- Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải - Xây dựng tỉnh Lào Cai.
- Địa chỉ liên hệ: Tầng 3, trụ sở khối 7, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Đầu tư xây dựng Cảng hàng không Sapa tại xã Cam Cọn, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai với qui mô sử dụng đất khoảng 371ha đáp ứng tiêu chuẩn cảng hàng không dân dụng cấp 4C - ICAO và dự bị cho quân sự cấp II có dự trữ phát triển cho Cảng đến giai đoạn sau 2030 đáp ứng 4E/II, với các hạng mục công trình chính như sau:

(1) Xây dựng đường cát hạ cánh (CHC), bao gồm: 01 Đường CHC có chiều dài 2.400m x 45m, hướng 32-14, lề mỗi bên rộng 7,5m; xây dựng dải hãm phanh hai đầu kích thước 100 x 60m.

(2) Xây dựng sân quay đầu: 02 sân quay đầu 32 và đầu 14, kích thước mỗi sân là 250m x 45m, lề vật liệu mỗi bên rộng 7,5m; dải bảo hiểm hai đầu 14, 32 có kích thước 300x78m.

(3) Xây dựng hệ thống đường lăn, bao gồm: 01 đường lăn vuông góc (nối từ đường CHC vào sân đỗ máy bay), chiều dài 298,5m x 23m, lề vật liệu mỗi bên rộng 7,5m; 01 đường lăn song song nối từ đầu 14 và đầu 32 đường CHC với sân đỗ dài 2400m, rộng 23m, lề vật liệu mỗi bên rộng 10,5m; xây dựng các đoạn chờ đường lăn nối, đường lăn thoát nhanh từ đường CHC về đường lăn song song, rộng 23m, lề vật liệu mỗi bên rộng 10,5m.

(4) Xây dựng sân đỗ máy bay có diện tích 53.885m², đảm bảo 09 vị trí đỗ cho máy bay code C hoặc tương đương và 55.946m² đất dự trữ phía Nam để mở rộng sân đỗ sau năm 2030.

(5) Xây dựng 01 đài kiểm soát không lưu tại phía Nam nhà ga hành khách, tháp chỉ huy cao 45m nằm cách tim đường CHC khoảng 470m và khối nhà làm việc 2 tầng có diện tích sàn xây dựng là 4.256m².

(6) Xây dựng hệ thống dẫn đường, bao gồm: Hệ thống thiết bị hạ cánh (ILS) gồm đài chỉ độ dốc đường trượt hạ cánh (GP) cách đầu 32 đường CHC 400m và đài chỉ hướng hạ cánh (LOC) cách đầu 14 đường CHC 300m; đài dẫn đường đa hướng sóng cực ngắn/thiết bị đo cự ly bằng vô tuyến (VOR/DME) cách đầu 32 khoảng 5.000m có diện tích 12.022m²; hệ thống đèn tiếp cận hạ cánh chính xác CAT I đầu 32 và tiếp cận đơn giản đầu 14.

(7) Xây dựng nhà ga hành khách và ga hàng hóa: Nhà ga hành khách có diện tích sử dụng đất là 27.500m², diện tích xây dựng là 10.435m², chiều cao 02 tầng. Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 20.870m². Nhà ga hành khách được thiết kế với công suất đạt 1.200 hành khách/giờ cao điểm, đáp ứng khai thác khoảng 03 triệu hành khách/năm và có tính đến quỹ đất dự trữ mở rộng sau năm 2030. Nhà ga hàng hóa được bố trí trong ga hành khách và có phần diện tích dự trữ khoảng 9.440m² để xây dựng nhà ga hàng hóa giai đoạn sau năm 2030.

(8) Xây dựng hệ thống giao thông nội bộ, cầu cạn, đường công vụ và hệ thống sân đỗ ô tô.

(9) Xây dựng tuyến đường kết nối từ đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai vào Cảng hàng không Sapa. Diện tích xây dựng tuyến đường là 500.000m², trong đó diện tích phần đường là 22.500m², diện tích taluy và bảo vệ nền đường là 24.000m² và chỉ giới xây dựng tuyến đường (đất lưu không) có diện tích: 453.500m².

(10) Xây dựng, lắp đặt một số hạng mục công trình phụ trợ phục vụ hoạt động của Dự án, bao gồm: Khu hành chính, dịch vụ phụ trợ có diện tích khoảng 78.990m², diện tích xây dựng là 5.283m², số tầng cao từ 3÷5 tầng; công trình cấp nhiên liệu (kho xăng dầu), có diện tích sử dụng đất là 19.700m², diện tích xây dựng công trình là 1.200m², số tầng cao 2 tầng; nhà để xe; xưởng sửa chữa và sân tập kết thiết bị mặt đất có diện tích khoảng 23.730m²; khu đầu mối kỹ thuật (trạm biến áp, khu vực xử lý nước thải và thu gom chất thải rắn) có diện tích khoảng 7.150m².

1.2. Dự báo quy mô khai thác:

Dự báo quy mô khai thác Cảng hàng không Sapa được xác định đến năm 2030 bao gồm như sau:

- Lưu lượng hành khách: 03 triệu hành khách/năm
- Lưu lượng hành khách trung bình ngày: 8.220 hành khách/ngày
- Lưu lượng hành khách giờ cao điểm: 1.200 hành khách/giờ
- Vị trí đỗ máy bay giờ cao điểm: 9 chỗ
- Số lần cất hạ cánh trung bình năm: 23.500 lần/năm
- Số lần cất hạ cánh trung bình ngày: 74 lần/ngày
- Mã sân bay (ICAO/QS): 4C/II
- Loại máy bay tiếp nhận: Các loại máy bay code C và tương đương.

Nội dung phê duyệt không bao gồm các nội dung: (1) đền bù, giải phóng mặt bằng; thi công, xây dựng khu tái định cư, khu nghĩa trang và hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu tái định cư; (2) các hạng mục đầu tư xây dựng của khu vực sân bay quân sự và hoạt động của các máy bay quân sự; (3) khai thác nguyên, nhiên vật liệu phục vụ quá trình xây dựng và vận hành của Dự án.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

2.1.1. Các tác động chính trong giai đoạn chuẩn bị

Dự án “Đầu tư xây dựng Cảng hàng không Sapa” thực hiện sẽ thu hồi 371 ha đất, bao gồm:

- Chiếm dụng 14,69 ha đất thổ cư, đất công trình công cộng bao gồm: di dời 269 hộ dân với 1.488 nhân khẩu thuộc 6 bản; di dời 01 trường tiểu học số 2 phân hiệu Cam 2 và Cam 4; di dời 01 trường mẫu giáo phân hiệu Cam 2 và Cam 4; phá dỡ 26.525m² công trình nhà cấp 4 kiên cố (221 căn); phá dỡ 14.105m² công trình nhà gỗ, tre lợp (112 căn); phá dỡ diện tích sân đường bê tông có diện tích khoảng 40.054m².

- Chiếm dụng 228,4 ha đất rừng sản xuất giao khoán cho các hộ dân xã Cam Cọn.

- Chiếm dụng 82,93 ha đất canh tác, trong đó diện tích đất lúa khoảng 47,4 ha, diện tích đất trồng cây lâu năm khoảng 20,7 ha, đất trồng cây hàng năm khác có diện tích khoảng 10,53 ha, đất nuôi trồng thủy sản khoảng 4,3 ha.

- Chiếm dụng diện tích đất giao thông nông thôn khoảng 7,84 ha; đất suối, khe lạch khoảng 36,41 ha.

- Hoạt động phá dỡ các công trình nhà cửa, hạ tầng và phát quang thảm thực vật chuẩn bị mặt bằng thi công phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn thông thường, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

2.1.2. Các tác động chính trong giai đoạn thi công

Hoạt động thi công san nền, thi công hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật, thi công đường CHC, hệ thống đường lãn, sân đỗ, nhà ga hành khách và các công trình của Cảng hàng không Sapa và các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, rác thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường (đất thải, phế thải thi công), chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến môi trường không khí, chất lượng nước mặt, giao thông và sinh hoạt của người dân xung quanh.

2.1.3. Các tác động chính giai đoạn vận hành

- Hoạt động của Cảng hàng không Sapa phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải khác, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải động cơ.

- Quá trình vận hành Cảng hàng không Sapa có khả năng gặp rủi ro, sự cố về công nghệ thiết bị, ngập lụt, cháy nổ, bị phá hoại có chủ đích, trạm xử lý nước thải ngừng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải sinh hoạt

- Giai đoạn chuẩn bị và thi công: hoạt động của các cán bộ công nhân viên phục vụ Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt với khối lượng khoảng $12 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm.

- Giai đoạn vận hành: hoạt động tại khu vực phục vụ mặt đất phát sinh nước thải sinh hoạt với khối lượng khoảng $243,37 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm và hoạt động của các máy bay phát sinh nước thải sinh hoạt với khối lượng khoảng $37 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm.

- Thành phần: chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

2.2.2. Quy mô, tính chất của các loại nước thải khác

- Giai đoạn thi công:

+ Hoạt động rửa bánh xe đối với phương tiện ra vào công trường thi công phát sinh nước thải với khối lượng khoảng $11,41 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm.

+ Hoạt động dưỡng hồ bê tông trong quá trình thi công các hạng mục công trình với khối lượng ước tính khoảng $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm.

+ Thành phần: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát.

- Giai đoạn vận hành: khu chế biến suất ăn, sửa chữa xe, vệ sinh phương tiện xe, xe lạnh phát sinh nước thải với khối lượng khoảng $103,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm. Thành phần: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, BOD,...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải giai đoạn chuẩn bị và thi công

Các hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công đường CHC, đường lăn, trạm không lưu, nhà ga hành khách, các công trình phụ vụ mặt đất, công trình hạ tầng kỹ thuật và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải làm phát sinh bụi và khí thải phát sinh với thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO₂, SO₂.

- Hoạt động phá dỡ công trình, phát quang thực vật phát sinh chủ yếu là bụi. Dự báo tải lượng bụi phát sinh khoảng $0,36 \mu\text{g}/\text{m}^2/\text{s}$.

- Hoạt động đào đắp, xúc bốc, vận chuyển đất, cát, nguyên vật liệu trên phạm vi công trường thi công phát sinh chủ yếu là bụi. Dự báo tải lượng bụi phát sinh khoảng $15,95 \mu\text{g}/\text{m}^2/\text{s}$.

- Hoạt động các thiết bị, máy thi công sử dụng dầu DO phát sinh bụi, khí thải. Dự báo tải lượng bụi là $0,101 \mu\text{g}/\text{m}^2/\text{s}$; SO₂ là $0,022 \mu\text{g}/\text{m}^2/\text{s}$; NO₂ là $1,296 \mu\text{g}/\text{m}^2/\text{s}$; CO là $0,660 \mu\text{g}/\text{m}^2/\text{s}$.

2.3.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải giai đoạn vận hành

- Hoạt động của khu bay bao gồm hoạt động cất hạ cánh của máy bay, các phương tiện thiết bị mặt đất phát sinh khí thải. Dự báo tải lượng phát sinh bụi TSP là $5,2\mu\text{g}/\text{m}^2/\text{s}$; SO_2 là $1,72\mu\text{g}/\text{m}^2/\text{s}$; NO_2 là $70,06\mu\text{g}/\text{m}^2/\text{s}$; CO là $95,01\mu\text{g}/\text{m}^2/\text{s}$.

- Hoạt động của máy phát điện dự phòng phát sinh khí thải. Dự báo nồng độ bụi TSP là $97,3\text{mg}/\text{Nm}^3$; SO_2 là $151,4\text{mg}/\text{Nm}^3$; NO_2 là $183,8\text{mg}/\text{Nm}^3$; CO là $391,9\text{mg}/\text{Nm}^3$.

- Hoạt động khu xử lý nước thải, tập kết chất thải phát sinh mùi hôi, khí H_2S , CH_4 từ quá trình phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ.

- Hoạt động xuất, nạp xăng dầu từ khu vực trạm xăng dầu và nạp nhiên liệu máy bay phát sinh hơi xăng dầu. Dự báo lượng hơi xăng dầu phát sinh chiếm 0,01% lượng nhiên liệu nhập.

- Hoạt động đón đưa khách ra vào sân bay và các phương tiện vận tải khác ra vào Cảng hàng không phát sinh bụi, khí thải. Dự báo tải lượng phát sinh bụi TSP là $831\mu\text{g}/\text{m}^2/\text{s}$; SO_2 là $7,5\mu\text{g}/\text{m}^2/\text{s}$; NO_2 là $606\mu\text{g}/\text{m}^2/\text{s}$; CO là $4928\mu\text{g}/\text{m}^2/\text{s}$.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

2.4.1. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường giai đoạn chuẩn bị và thi công

- Hoạt động sinh hoạt của người lao động trên công trường phát sinh lượng chất thải rắn khoảng $150\text{kg}/\text{ngày}$ đêm. Thành phần chủ yếu là các loại rau, củ quả, thức ăn thừa, bao bì, thùng chứa, giấy, chai lọ,...

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, di chuyển cây xanh phát sinh sinh khối với khối lượng ước tính khoảng $2.740,8$ tấn. Thành phần chủ yếu gồm: chất thải thực bì, cây cỏ, đất cát bám theo rễ cây.

- Hoạt động phá dỡ mặt bằng phục vụ thi công phát sinh phế thải với khối lượng khoảng 22.164 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: đất đá, gạch ngói, bê tông, phế liệu,...

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh phế thải với tổng khối lượng khoảng 665 tấn, trong đó: các loại chất thải rắn từ bê tông khoảng 328 tấn; chất thải rắn từ gạch vữa xây khoảng 127 tấn và từ các loại vật liệu khác khoảng 210 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: đất thải, phế liệu, ván khuôn, bê tông thừa.

2.4.2. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường giai đoạn vận hành

- Hoạt động của máy bay, khu vực phục vụ mặt đất phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng $5.954\text{kg}/\text{ngày}$ đêm; chất thải rắn thông thường phát sinh khoảng $9.955\text{kg}/\text{ngày}$ đêm. Thành phần chủ yếu gồm: vỏ đồ hộp, pallet, giấy báo, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa và các loại chất thải sinh hoạt khác.

- Hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung, hệ thống thoát nước phát sinh bùn thải là loại bùn thải không nguy hại khoảng $1.067\text{m}^3/\text{tháng}$. Thành phần chính

chủ yếu là phân bùn, bùn từ hệ thống nước thải sinh hoạt, bùn cặn hệ thống xử lý nước sạch.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

2.5.1. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại giai đoạn chuẩn bị và thi công

- Hoạt động phá dỡ các công trình nhà cửa, hạ tầng và phát quang thảm thực vật, thi công xây dựng phát sinh khoảng 877,2 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm dầu thải, chất thải nhiễm dầu, pin, ắc qui, bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in, linh kiện điện tử và các loại chất thải nguy hại khác.

- Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu đối với phương tiện thi công tại mỗi công trường ước tính khoảng 116,6 kg/tháng dầu mỡ thải và 89,0 kg/tháng chất thải rắn nhiễm dầu.

2.5.2. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại giai đoạn vận hành

- Hoạt động bảo dưỡng thiết bị, phương tiện mặt đất phát sinh chất thải nguy hại khoảng 88 kg/tháng dầu mỡ thải và 20 kg/tháng chất thải rắn nhiễm dầu.

- Hoạt động xử lý nước thải công nghiệp (tách dầu) công suất 5m³/giờ phát sinh khoảng 59,85 kg/tháng.

- Hoạt động vận hành nhà ga và các công trình mặt đất phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng ước tính khoảng 150 kg/ngày đêm. Thành phần chính bao gồm: pin, hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang,...

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác: Không có

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trong giai đoạn chuẩn bị và thi công

- Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các bể tự hoại 3 ngăn, dung tích mỗi bể khoảng từ 2 - 3m³.

- Bố trí 02 nhà vệ sinh tạm thời lắp đặt tại khu nhà điều hành công trường thi công và 05 nhà vệ sinh di động tại các vị trí công trường thi công. Nhà vệ sinh di động được làm bằng chất liệu composit, dung tích bồn chứa nước 800 lít, dung tích hầm chứa chất thải 1.000 lít.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng hút toàn bộ chất thải đi xử lý theo quy định với tần suất 01 tuần/lần; tuyệt đối không thải ra môi trường.

- Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải → Nhà vệ sinh tạm thời/di động → Thuê đơn vị thu gom, xử lý.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị, thi công của Dự án và hợp đồng với các đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành, không thải ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo

quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

3.1.2. Thu gom, xử lý nước thải khác trong giai đoạn thi công

- Nước thải thi công có chứa hàm lượng cặn lơ lửng được thu gom và xử lý bằng phương pháp lắng (hồ lắng) và lọc bùn cặn (lọc cát) trước khi xả vào môi trường. Tại các khu vực phát sinh, bố trí các hồ lắng có dung tích $2 \div 3\text{m}^3$.

- Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động rửa bánh xe tại công trường thi công vào 01 bể lắng 03 ngăn dung tích $9 \div 10\text{m}^3$. Nước rửa sau khi lắng sẽ được sử dụng làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển, tưới nước dập bụi trên công trường thi công và tuần hoàn rửa bánh xe, máy trên công trường.

- Bùn đất và cát tại hồ lắng, lọc được nạo vét, phơi bùn và vận chuyển xử lý cùng chất thải thi công; váng dầu mỡ thu gom định kỳ và vận chuyển đến kho chứa theo phương án thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công dự án.

3.1.3. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trong giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại (04 ngăn) có tổng dung tích các bể tự hoại là $761,5\text{m}^3$ và dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của Cảng hàng không công suất $500\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ (gồm 2 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên có công suất $250\text{m}^3/\text{ngày đêm}$) để tiếp tục xử lý bằng công nghệ sinh học AAO (kỵ khí - thiếu khí - hiếu khí).

Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại 04 ngăn → Trạm xử lý nước thải tập trung của Cảng hàng không để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ khu chế biến suất ăn, nước thải có nhiễm dầu được xử lý sơ bộ bằng thiết bị tách dầu, mỡ (công suất $5\text{m}^3/\text{giờ}$) và dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của Cảng hàng không để tiếp tục xử lý bằng công nghệ sinh học AAO.

Quy trình, công nghệ xử lý sơ bộ nước thải nhiễm dầu, mỡ: Nước thải nhiễm dầu, mỡ → thiết bị tách dầu mỡ công suất $5\text{m}^3/\text{giờ}$ → Trạm xử lý nước thải tập trung của Cảng hàng không để tiếp tục xử lý.

- Sơ đồ quy trình, công nghệ Trạm xử lý nước thải tập trung của Cảng hàng không công suất $500\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ (gồm 2 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên có công suất $250\text{m}^3/\text{ngày đêm}$):

Nước thải → Bể tiếp nhận (dung tích khoảng 50m^3) → Bể điều hòa (dung tích khoảng 240m^3) → Ngăn yếm khí (02 bể dung tích khoảng $70\text{m}^3/\text{bể}$) → Ngăn thiếu khí (02 bể dung tích khoảng $30\text{m}^3/\text{bể}$) → Ngăn hiếu khí (02 bể dung tích khoảng $60\text{m}^3/\text{bể}$) → Ngăn lắng (02 bể dung tích khoảng $30\text{m}^3/\text{bể}$) → Ngăn lọc (02 bồn, công suất lọc khoảng $10,4\text{m}^3/\text{giờ/bồn}$)/Ngăn chứa bùn (dung tích khoảng

12,15m³) → Ngăn khử trùng → QCVN 14: 2008/BTNMT, cột A, K=1 → hệ thống thoát nước chung, ra suối Bồng và chảy ra sông Hồng.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án đạt cột A, QCVN 14: 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - cột A với hệ số K=1 trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung, ra suối Bồng và chảy ra sông Hồng; đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Về xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn chuẩn bị và thi công

Lập hàng rào bằng tôn cao 2,5 - 3m xung quanh khu vực công trường thi công; chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe đều được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

3.2.2. Về xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành

Động cơ máy bay khai thác phải tuân thủ các yêu cầu về khí thải động cơ máy bay do ICAO quy định tại Chương 2, Phần 2 và Chương 2, Phần 3, Quyển 2, Phụ ước 16 của Công ước Chi-ca-gô về hàng không dân dụng quốc tế; thực hiện quy trình khai thác tàu bay nhằm giảm thiểu lượng khí thải động cơ tàu bay vào khí quyển; hạn chế thời gian hoạt động của động cơ tàu bay trong quá trình lăn, chuẩn bị cất cánh bằng cách sử dụng phương tiện mặt đất hỗ trợ quá trình cất, di chuyển trên đường lăn, sân đỗ; áp dụng các biện pháp kỹ thuật về thông gió, cấp nhiệt cho các công trình.

3.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng và vận hành; tuân thủ các yêu cầu về khí thải động cơ máy bay do ICAO quy định tại Chương 2, Phần 2 và Chương 2, Phần 3, Quyển 2, Phụ ước 16 của Công ước Chi-ca-gô về hàng không dân dụng quốc tế; quy định về bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động hàng không dân dụng được quy định tại Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải; đảm bảo các điều kiện về vệ sinh môi trường và các yêu cầu đối với nơi làm việc của cán bộ công

nhân viên trong quá trình vận hành Dự án, bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn chuẩn bị và thi công

- Thu gom toàn bộ khối lượng đất cát, chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng, di chuyển cây xanh và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất: thường xuyên.

- Tận dụng lại một phần đất đá, gạch ngói, bê tông, phế liệu,... phát sinh từ hoạt động phá dỡ, giải phóng mặt bằng để phục vụ quá trình thi công, xây dựng; phần còn lại không sử dụng phải hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất: thường xuyên.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên phục vụ Dự án với khối lượng khoảng 150 kg/ngày đêm được thu gom vào 22 thùng rác có nắp đậy (loại dung tích 10 ÷ 20 lít) và hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

3.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn vận hành

- Bố trí 200 thùng chứa rác có nắp đậy (loại dung tích 10 ÷ 50 lít) và thực hiện phân loại rác tại nguồn; các thùng rác này được đặt tại khu vực nhà ga, các công trình khu phục vụ mặt đất, các công trình phụ trợ để thu gom tất cả các chất thải rắn sinh hoạt của Dự án trong giai đoạn vận hành. Trang bị 10 xe đẩy thu gom rác loại dung tích 500 ÷ 1.000 lít; bố trí nhân lực phụ trách công tác vệ sinh môi trường để thực hiện vệ sinh và thu gom rác tại các thùng chứa rác tại tất cả các khu vực có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt về kho chứa chất thải thông thường có diện tích khoảng 180m² theo đúng quy định về quản lý chất thải; ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý với tần suất 01 ngày/lần đối với chất thải sinh hoạt và 03 tháng/lần đối với chất thải rắn thông thường.

3.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan trên địa bàn tỉnh Lào

Cai; phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ đất đá thải trước khi thực hiện thi công và chỉ được phép đổ thải vào các vị trí thỏa thuận khi được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

3.4.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công

- Thu gom toàn bộ các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công và lưu giữ trong 06 thùng chứa (loại dung tích từ $50 \div 200$ lít) và lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng $20m^2$, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có gắn biển hiệu cảnh báo, dán nhãn theo quy định và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định với tần suất 03 tháng/lần.

3.4.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành

- Thu gom toàn bộ các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành Dự án và lưu giữ trong 07 thùng chứa (loại dung tích 500 lít) và lưu chứa trong kho chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng $20m^2$ tại khu phụ trợ cùng xưởng sửa chữa, bảo dưỡng các phương tiện mặt đất phục vụ vận hành Cảng hàng không, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có gắn biển hiệu cảnh báo, dán nhãn và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định với tần suất 06 tháng/lần.

3.4.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác: Không có

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Chỉ sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; tuân thủ thực hiện quy định về tiếng ồn máy bay tại Điều 3 và biện pháp kiểm soát tiếng ồn tại Điều 9 của Thông tư số 53/2012/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện công tác rà phá bom mìn tồn lưu trong toàn bộ khu vực Dự án trước khi triển khai thi công xây dựng Dự án.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: trang bị hệ thống cảnh báo cháy tại các khu vực nhà ga, khu vực dịch vụ mặt đất, tòa nhà điều hành, lối lên xuống, khu vực vệ sinh, sảnh chờ,...; sử dụng vật liệu không cháy đối với các kết cấu công trình; tính toán, thiết kế, xây dựng, lắp đặt các phương tiện, lối thoát hiểm ở nhà ga và các công trình; lắp đặt hệ thống chữa cháy tại các ga, đường hầm và tất cả các phòng máy, thiết bị; ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy; thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ; lập phương án chữa cháy, thoát nạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng; trang bị máy bơm lưu động công suất $60\text{m}^3/\text{giờ}$ chống ngập úng.

- Lập hồ sơ thiết kế, mở nút giao cắt với đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt trước khi mở các nút giao cắt; cắm các biển hiệu, biển cảnh báo giao thông tại các vị trí nút giao, vị trí thi công và các vị trí có nguy cơ tai nạn; bố trí người điều tiết, cảnh báo, phân luồng giao thông.

- Thực hiện các quy định về kiểm soát dịch bệnh; kiểm soát sự cố mất an toàn bay; kiểm soát các hoạt động phá hoại, vi phạm an ninh hàng không.

- Tính toán thiết kế trạm xử lý nước thải với hệ số công suất $K=1,3$ và lắp đặt các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố; tính toán dung tích bể điều hòa có thời gian lưu nước đảm bảo 24 giờ khi có sự cố xảy ra.

- Xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.8. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

3.8.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất: phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3.8.2. Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn:

- Xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa trong khu vực Dự án đảm bảo thu gom toàn bộ nước mưa khu vực Cảng hàng không và các lưu vực thoát nước lân cận theo khe tụ thủy thoát ra sông Hồng qua các cống C1: $1 \times 3\text{m} \times 3\text{m}$; C2: $3 \times 3\text{m} \times 3\text{m}$ và C3: $1,5\text{m} \times 1,5\text{m}$.

- Mương xây dựng bằng đá hộc xây, khẩu độ đáy rộng 1,5m. Cống thoát nước sử dụng cống tròn bằng bê tông cốt thép D1500 và D1000.

3.8.3. Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông trong giai đoạn thi công: Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông công cộng trong quá trình thi công, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công; chỉ dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công.

3.8.4. Biện pháp giảm thiểu tác động đến diện tích rừng trồng sản xuất chuyên đổi: trồng bồi hoàn rừng do chuyển đổi mục đích sử dụng để xây dựng các hạng mục công trình hàng không. Thực hiện chi trả tiền trồng rừng thay thế sau khi phương án trồng rừng thay thế đối với diện tích đất rừng thuộc phạm vi nghiên cứu chuyển đổi mục đích sử dụng để xây dựng các hạng mục công trình của dự án được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- 01 hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung bằng công nghệ sinh học AAO tại khu đầu mối kỹ thuật, công suất xử lý 500 m³/ngày đêm gồm 2 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên có công suất 250 m³/ngày đêm.

- 01 thiết bị tách dầu mỡ công suất 5 m³/giờ, tương đương 120m³/ngày đêm tại khu vực trạm xử lý tập trung.

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 20 m² tại khu phụ trợ cùng xưởng sửa chữa, bảo dưỡng các phương tiện mặt đất phục vụ vận hành Cảng hàng không.

- 01 kho lưu chứa chất thải thông thường diện tích khoảng 180 m² tại khu đầu mối kỹ thuật.

- 01 khu tập trung rác thải sinh hoạt tại khu đầu mối kỹ thuật.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công

5.1.1. Giám sát bụi, tiếng ồn:

- Vị trí giám sát: 04 vị trí (A1 (phía Tây Nam, cách đầu 14 khoảng 1,2 km), A2 (phía Đông Bắc, cách đầu 32 khoảng 1,5km), A3 (Khu dân cư tập trung xã Cam Cạn - phía Đông Dự án) và A4 (khu vực quy hoạch khu tái định cư Cảng hàng không Sa Pa - Phía Nam, Tây Nam)).

- Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), mức ồn cực đại (L_{Amax}), mức ồn tương đương (L_{Aeq}).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

5.1.2. Giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại các khu vệ sinh tạm thời khu nhà điều hành công trường.

- Thông số giám sát: 11 thông số theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

5.1.3. Giám sát nước thải xây dựng:

+ Vị trí giám sát: Đầu ra các hố lắng cặn nước thải thi công xây dựng.

+ Chỉ tiêu giám sát: pH, nhiệt độ, COD, BOD₅, TSS, DO, As, Cd, Pb, Mn, Fe, Hg, Cr, Dầu mỡ, tổng coliform.

- Quy chuẩn so sánh QCVN 40: 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, hệ số K_q = 1, K_f = 1.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.1.4. Giám sát chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

- Vị trí giám sát: tại tất cả các vị trí có phát sinh chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường;

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại, số lượng thùng rác; số lượng nhà vệ sinh; phân loại, số lượng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại, dấu hiệu cảnh báo; hợp đồng, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

5.1.5. Giám sát đồ đất, đá, vật liệu thải:

- Vị trí: tại tất cả những vị trí có phát sinh đất, đá, vật liệu thải, phế thải; giám sát việc vận chuyển đồ thải và giám sát tại vị trí bãi đổ thải.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại chất thải; biện pháp đảm bảo môi

trường trong quá trình vận chuyển đất đá thải, nguyên vật liệu phục vụ thi công; tuyến đường vận chuyển; hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

5.1.6. Giám sát an toàn giao thông:

+ Tần suất giám sát: thường xuyên.

+ Vị trí giám sát: xung quanh công trường thi công, vị trí thi công nút giao đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai.

+ Thông số giám sát: biển báo hiệu, biển chỉ dẫn, đèn báo hiệu, thiết bị phân làn đường, quy cách hàng rào, người phân luồng giao thông, tập kết vật liệu, chướng ngại vật, hư hỏng hạ tầng do hoạt động thi công gây ra.

5.2. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành:

5.2.1. Giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt:

+ Vị trí giám sát: tại vị trí đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 500 m³/ngày đêm trước khi bơm thoát vào hệ thống thoát nước chung, ra suối Bông, chảy ra sông Hồng.

+ Thông số giám sát: lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, Amoni, Clorua, PO₄³⁻, tổng dầu mỡ, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, hệ số K = 1.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2.2. Giám sát tiếng ồn

Thực hiện chương trình giám sát định kỳ:

+ Lựa chọn vị trí giám sát: Giám sát tại 04 vị trí (A1 (phía Tây Nam, cách đầu 14 khoảng 1,2 km), A2 (phía Đông Bắc, cách đầu 32 khoảng 1,5km), A3 (Khu dân cư tập trung xã Cam Cạn - phía Đông Dự án) và A4 (khu vực quy hoạch khu tái định cư Cảng hàng không Sa Pa - Phía Nam, Tây Nam)).

+ Thông số giám sát: Tiếng ồn cực đại (L_{Amax}), tiếng ồn tương đương (L_{Aeq}).

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

Xây dựng bản đồ tiếng ồn trong giai đoạn vận hành:

+ Vị trí thực hiện: xây dựng bản đồ tiếng ồn đến khoảng cách 10,0 km từ đầu cát cánh, hạ cánh trên cơ sở đo đạc thực tế.

+ Chu kỳ thực hiện: lập và hiệu chỉnh thường xuyên trong chu kỳ phát triển 05 năm/lần hoặc khi được yêu cầu bởi các cơ quan có thẩm quyền.

5.2.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: tại các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Thông số giám sát: phân loại, công tác lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt; khối lượng, chủng loại chất thải; hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

5.2.4. Giám sát chất thải nguy hại:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: các thùng chứa chất thải nguy hại tại kho lưu chứa chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: phân loại, công tác lưu chứa chất thải nguy hại, quy cách kho lưu chứa chất thải; khối lượng, chủng loại chất thải; hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan, các tổ chức, cá nhân bị chiếm dụng đất để thực hiện công tác kiểm kê, đánh giá và thỏa thuận phương án di dời, chặt hạ cây xanh trong phạm vi diện tích bị ảnh hưởng của Dự án; phối hợp với các cấp có thẩm quyền của địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng.

- Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt các quy chuẩn sau: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; QCVN

50:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bùn thải từ quá trình xử lý nước; QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, sập hầm, lún nứt hầm và nhà dân, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Thực hiện công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công và khu vực đất tạm chiếm dụng ngay sau khi kết thúc thi công.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn đến các đối tượng xung quanh theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường./.